

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Y tế công cộng.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trần Xuân Bách

2. Ngày tháng năm sinh: 05/10/1984; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Vạn Điểm, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Phòng 110B – B1, Tập thể Khương Thượng, Phường Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

Số 6, Ngõ 49/29, Phố Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại di động: 0888.288.399. Địa chỉ e-mail: bach@hmu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 8/2006 đến 9/2009: Giảng viên Bộ môn Kinh tế Y tế, Khoa Y tế công cộng,
Trường Đại học Y Hà Nội.

Từ 9/2009 đến 11/2012: Nghiên cứu sinh tại Đại học Alberta, Canada.

Từ 11/2012 đến 12/2017: Giảng viên, Giáo vụ Đại học, Bộ môn Kinh tế Y tế, Viện
Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường Đại học
Y Hà Nội.

Từ 12/2017 đến nay: Giảng viên cao cấp, Phó Trưởng Bộ môn Kinh tế Y tế, Viện
Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường Đại học
Y Hà Nội.

- Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Bộ môn.

Ủy viên Ban chấp hành TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (2017-2022), Phó Chủ tịch TW Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam (2019-2024), Phó Chủ tịch Hội Thầy thuốc trẻ Việt Nam (2018-2020, 2020-2025).

2020- nay: Ủy viên Hội đồng Khoa học Cơ quan Trung Ương Đoàn (cấp Bộ).

2021-2025: Ủy viên Ban chủ nhiệm Chương trình khoa học và công nghệ cấp Thành phố - CT08: Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Kinh tế Y tế, Viện đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội.

- Địa chỉ cơ quan: Phòng 403 – A7, Số 1, Phố Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội.

- Điện thoại cơ quan: (043)8523798; Email: lethihuong@hmu.edu.vn; Fax: +84-4-38525115

- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

+ Tại Đại học Johns Hopkins, Hoa Kỳ: Được bổ nhiệm các chức danh: Giáo sư (kiêm nhiệm) từ năm 2019, Phó Giáo sư (kiêm nhiệm) năm 2016, Trợ lý giáo sư năm 2014. (có quyết định bổ nhiệm lại hàng năm)

+ Tại Đại học Griffith, Úc: Phó Giáo sư (thỉnh giảng), năm 2018.

+ Tham gia giảng dạy, hướng dẫn, đánh giá nghiên cứu sinh tại các cơ sở giáo dục ở nước ngoài khác từ năm 2011, bao gồm: Đại học Alberta (Canada), Đại học Karolinska (Thụy Điển), Đại học Texas (Hoa Kỳ), Đại học Monash (Úc), Đại học Kỹ thuật Queensland (Úc), Đại học Quốc gia (Singapore), Đại học Dublin (Ai len), Đại học Khoa học và Chính sách Ung thư (Hàn Quốc).

+ Tham gia giảng dạy (có hợp đồng thỉnh giảng) cho chương trình quốc tế của Đại học Troy, Hoa Kỳ, tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội từ 2018.

+ Tham gia giảng dạy, hướng dẫn, đánh giá học viên tại nhiều cơ sở đào tạo, bệnh viện, viện nghiên cứu khác trong nước.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm.....

9. Trình độ đào tạo:

Được cấp bằng	Ngày cấp, Số văn bằng	Ngành, chuyên ngành	Nơi cấp
Đại học	26/06/2006 Số VB: C753062	Y tế công cộng	Trường Đại học Y tế công cộng, Việt Nam
Tiến sỹ	13/06/2012 (Hoàn thành chương trình tháng 10/2011)	Y tế công cộng (Kinh tế Y tế, Chính sách Y tế và Dịch vụ Y tế)	Đại học Alberta, Canada
Thạc sỹ	07/07/2020 Số VB: Toulon 14945702/2020201800769	Tài chính (Tài chính Doanh nghiệp và Kiểm soát quản trị)	Đại học Toulon, Cộng hòa Pháp
Đại học	10/09/2020 Số VB: HLU 002541	Luật học	Trường Đại học Luật Hà Nội

10. Đã được công nhận chức danh PGS ngày 10 tháng 10 năm 2016, ngành: Y học.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Giáo sư tại HĐGS Cơ sở Trường Đại học Y Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Giáo sư tại HĐGS Ngành: Y học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

1) *Kinh tế Y tế, Dịch vụ Y tế và Chính sách Y tế:*

(Kết quả: 45 bài báo (Trước PGS: 22, Sau PGS: 23), 4 cuốn sách^{1,3,4,6})

- Các nghiên cứu đánh giá kinh tế y tế, xác định các can thiệp có tính chi phí – hiệu quả cao. Nghiên cứu hiệu suất của các mô hình phân phối dịch vụ y tế. Đánh giá kết quả đầu ra của các dịch vụ y tế và can thiệp lâm sàng.
- Đánh giá nhu cầu chăm sóc y tế và tác động của các chính sách đối với sức khỏe quần thể, và nguy cơ nghèo đói của hộ gia đình; Nghiên cứu chính sách bảo hiểm y tế, cơ chế chi trả với một số dịch vụ y tế chuyên biệt.
- Nghiên cứu tác động của bất công bằng trong chăm sóc sức khỏe và gánh nặng bệnh tật của Việt Nam và trên thế giới.

2) *Mô hình hóa kinh tế và dịch tễ ứng dụng trong dự báo và kiểm soát bệnh tật toàn cầu:*

(Kết quả: 46 bài báo (Trước PGS: 23, Sau PGS: 23), 2 cuốn sách^{2,5})

- Kết hợp các các mô hình kinh tế lượng và dịch tễ học trong phân tích và dự báo các yếu tố nguy cơ, khả năng xuất hiện và quy mô tác động của dịch bệnh toàn cầu. Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ và các yếu tố hành vi, sinh thái, dân số, và cấu trúc xã hội có ảnh hưởng đến sự phân bố và hiệu quả của các can thiệp kiểm soát và phòng ngừa bệnh tật. Các chủ đề nghiên cứu bao gồm COVID-19, các bệnh truyền nhiễm và HIV/AIDS, các bệnh không lây nhiễm có gánh nặng lớn, lạm dụng sử dụng chất và các hành vi sức khỏe mới.

3) *Kinh tế lượng ứng dụng trong Công nghệ Y tế số*

(Kết quả: 32 bài báo (Trước PGS: 4, Sau PGS: 28))

Nghiên cứu liên ngành ứng dụng kinh tế lượng với các phương pháp dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo, công nghệ thông tin và truyền thông, trong lĩnh vực y tế.

- Xây dựng thuật toán và giá trị chẩn đoán một số rối loạn tâm thần dựa trên dữ liệu lớn về ô-xy não đo lường bằng máy quang phổ cận hồng ngoại chức năng (fNIRS).
- Nghiên cứu các hành vi và các vấn đề sức khỏe thể chất và tâm thần là hệ quả của việc sử dụng quá mức mạng xã hội và các thiết bị di động; Phát triển các ứng dụng di động quản lý, chăm sóc và giáo dục sức khỏe.
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục y học thông qua hệ thống giảng dạy y khoa theo nhóm tích cực và mô hình bệnh nhân ảo (virtual patients) hỗ trợ đào tạo ra quyết định lâm sàng, giảm thiểu sai sót y khoa.
- Nghiên cứu xu hướng phát triển khoa học thông qua khai phá dữ liệu học thuật.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

1) Đã hướng dẫn 02 NCS bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ; trong đó, hướng dẫn chính 01 NCS.

2) Đã hướng dẫn 17 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS.

3) Chủ nhiệm và đồng chủ nhiệm 11 đề tài NCKH các cấp:

- Chủ nhiệm 03 đề tài NCKH cấp Bộ đã nghiệm thu.
- Chủ nhiệm/ đồng chủ nhiệm 07 đề tài NCKH cấp cơ sở đã nghiệm thu.
- Ngoài ra, chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp Quốc gia đang tiến hành.

4) Đã công bố 123 bài báo khoa học (Trước PGS: 49; Sau PGS: 74), trong đó có 114 bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế có uy tín.

Là tác giả chính của 82 bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế uy tín (Trước PGS: 34; Sau PGS: 48).

5) Số lượng sách đã xuất bản: 06 cuốn, trong đó, 06 thuộc nhà xuất bản có uy tín.

16. **Khen thưởng** (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Sau Phó Giáo sư:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2017;
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế năm 2018;
- Bằng khen của Trung Ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh năm 2020;
- Công dân Thủ đô Ưu tú năm 2017;
- Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở của Trường Đại học Y Hà Nội 4 năm liền từ 2016-2020.
- Giải thưởng Khoa học – Công nghệ “Quả Cầu Vàng” năm 2018;
- Giải thưởng Thầy thuốc trẻ Việt Nam tiêu biểu năm 2017;
- Giải thưởng Gương mặt trẻ Việt Nam tiêu biểu năm 2016;
- Giải thưởng Khởi đầu Sự nghiệp của Đại học Alberta, Canada, 2017;
- Giải thưởng Noam Chomsky Ngôi sao tỏa sáng về thành tựu trong nghiên cứu 2020.

Trước Phó Giáo sư:

- a) Giải Nhì “Giải thưởng Sáng tạo kỹ thuật Việt Nam” – VIFOTEC, năm 2004. b) Giải thưởng tại Hội nghị Khoa học Công nghệ Tuổi trẻ các trường Đại học Y - Dược Việt Nam: Giải Xuất sắc (2004), Giải Ba (2012), Giải Nhì (2016). c) Giải Nhì, Giải thưởng Sinh viên Nghiên cứu khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2004. d) Giải thưởng Đặng Văn Ngữ: Giải Nhất (2013), Giải Nhì (2015), và Giải cho tác giả có nhiều bài báo nhất (2012). e) “Giảng viên được nhiều sinh viên bình chọn” năm học 2014-2015 của Trường Đại học Y Hà Nội. f) Giải thưởng dành cho Báo cáo nghiên cứu Tiên sỹ xuất sắc nhất tại Hội nghị Khoa học Y tế công cộng INSIGHT. Đại học Alberta, Canada năm 2010. g) Giải thưởng Nghiên cứu Quốc tế về Lâm sàng và Dự Phòng của Trung tâm nghiên cứu AIDS, Đại học Johns Hopkins, Hoa Kỳ, năm 2015. h) Giải thưởng của Alberta Innovates - Health Solutions Canada, 2012.
- “Huy chương Tuổi trẻ Sáng tạo” năm 2004. Giải thưởng “Sao Tháng Giêng” năm 2005. Giải thưởng “Sinh viên tiêu biểu thủ đô” năm 2005.
- Được cấp giấy chứng nhận cho giảng viên hướng dẫn các nhóm nghiên cứu là học viên, sinh viên tham dự và đạt các giải thưởng nghiên cứu khoa học nhiều năm liền trong khoảng thời gian từ 2013-2020.

17. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, thời hạn hiệu lực): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong 5 năm qua, từ sau khi được phong học hàm Phó Giáo sư, tôi đã liên tục giảng dạy, học tập và nghiên cứu với cường độ cao và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được phân công. Tôi tự đánh giá mình đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của một nhà giáo và có đủ các tiêu chuẩn với chức danh Giáo sư theo quy định của Chính phủ.

- Trung thành với Tổ quốc Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tôi luôn tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Nhà nước và pháp luật. Tôi nỗ lực rèn luyện các phẩm chất cần có của người cán bộ giảng dạy, xây dựng tinh thần đoàn kết, ý thức tập thể, nuôi dưỡng khao khát được phát huy sức trẻ của mình, tham gia đóng góp xây dựng tập thể và ngành, hoàn thành các nhiệm vụ được tổ chức phân công. Tôi đã luôn chủ động tìm tòi sáng tạo trong hoạt động giảng dạy, gắn kết giáo dục và đào tạo với thúc đẩy nghiên cứu khoa học và xuất bản quốc tế.
- Tôi luôn ứng xử và duy trì các mối liên hệ với đồng nghiệp và sinh viên đúng mực; học hỏi từ mọi người xung quanh cũng như luôn sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức của mình. Tôi luôn mang trong mình tình yêu lớn lao với nghề nghiệp Y tế công cộng trong suốt 20 năm qua, từ khi bắt đầu là 1 sinh viên, và dành tâm huyết đó trong công tác đào tạo các thế hệ trẻ nối tiếp. Tôi luôn chấp hành đúng, đầy đủ mọi nội quy, quy định trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Ngành, của Nhà trường và các địa phương, cơ sở thực địa nơi đưa sinh viên, học viên đến thực hành, thực tế.
- Được tham gia thêm công tác Đoàn và Hội liên hiệp Thanh niên, tôi đã luôn nghiêm túc, tích cực phát huy mọi cơ hội và điều kiện, nỗ lực đóng góp vào các công việc chung, các hoạt động phát triển thanh niên, phát triển cộng đồng, phòng chống dịch bệnh. Tôi luôn coi đó cũng là cơ hội để học hỏi và tích lũy trải nghiệm thực tiễn phong phú của cuộc sống và nhu cầu phát triển của đất nước. Từ đó, bồi đắp chuyên môn của mình để có thể phụng sự được nhiều hơn cho ngành Y tế và xã hội.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số: 15 năm (- 3 năm NCS).
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối sau khi được công nhận PGS):

	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016		1	3	1	270	110	340/380/280
2	2016-2017			4	1	271,8	39,4	311,2/311,2/280
3	2017-2018			3	1	111,7	251,5	351,7/363,2/360
03 năm học cuối								
4	2018-2019			2	1	150,62	280,2	416,4/430,8/360
5	2019-2020			4	2	143,42	407,34	382,2/550,8/360
6	2020-2021	1		1		72,2	311,7	271/383,9/360

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

– Học ĐH ; Tại nước:

– Hoàn thành chương trình Tiến sỹ bằng Tiếng Anh tại Canada (năm 2011).

– Hoàn thành chương trình Thạc sỹ Tài chính và Quản trị bằng tiếng Anh của Đại học Toulon (Cộng hòa Pháp) tổ chức tại Học viện Tài chính, Việt Nam (năm 2019).

– Thực tập dài hạn (> 2 năm) ; Tại nước :

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

– Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

– Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh.

– Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): (1) Đại học Johns Hopkins, Hoa Kỳ; (2) Chương trình Thạc sỹ Quốc tế tại Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam; (3) Chương trình Cử nhân Quản trị Kinh doanh của Đại học Troy, Hoa Kỳ tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội; (4) Các Đại học quốc tế khác.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bằng, chứng chỉ): Nghiên cứu sinh và bảo vệ Luận án Tiến sỹ bằng tiếng Anh tại Canada. Có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế IELTS (7.0)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Trọng Tuấn	✓		✓		2017-2020	Trường Đại học Y-Dược Hải Phòng, Việt Nam	17/03/2021
2	Nguyễn Thị Phương Nhung	✓			✓	2012-2014	ĐH Texas at Houston, Hoa Kỳ	2014

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I <i>Trước khi được công nhận PGS</i>							
1	Theo dõi và đánh giá chương trình phòng chống HIV/AIDS	HD	Nhà xuất bản Y học, 2008	14	Nguyễn Thanh Long		
2	The Childhood Obesity Epidemic Why Are Our Children Obese – And What Can We Do About It?	TK	Taylor & Francis, 2015. ISBN: 978-1771881029.	5	Peter D. Vash	Chương 10 (trang 157-174)	Trường Đại học Y Hà Nội, QĐ 1428/QĐ-ĐHYHN ngày 23/05/2016
3	Women, Motherhood and Living with HIV/AIDS A Cross-Cultural Perspective	TK	Springer 2013 ISBN: 978-94-007-5886-5	2	Liamputtong, Pranee	Chương 14 (trang 215-229)	Trường Đại học Y Hà Nội, QĐ 1428/QĐ-ĐHYHN ngày 23/05/2016
II <i>Sau khi được công nhận PGS</i>							
4	Kinh tế Y tế 2	GT	Nhà xuất bản Y học, năm 2021	2	Trần Xuân Bách	Toàn bộ 111 trang	Trường Đại học Y Hà Nội – Quyết định số 652/QĐ-ĐHYHN, ngày 07/04/2021
5	Đo lường Thỏa dụng và Chất lượng cuộc sống: Bằng chứng và Ứng dụng trong Kinh tế Y tế	CK	Nhà xuất bản Y học, năm 2021. ISBN:978-604-66-4950-2	1	Trần Xuân Bách	Toàn bộ 379 trang	Trường Đại học Y Hà Nội – Quyết định số 1432/QĐ-ĐHYHN, ngày 02/06/2021
6	Economic Evaluation of HIV/AIDS Control and Prevention Programs	CK	Nhà xuất bản Y học, năm 2020. ISBN:978-604-66-4701-0	1	Trần Xuân Bách	Toàn bộ 231 trang	Trường Đại học Y Hà Nội – Quyết định số 1431/QĐ-ĐHYHN, ngày 02/06/2021

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS: **2 cuốn - số thứ tự 5, 6.**

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang...đến trang .. (ví dụ: 17-56).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu / Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS				
1	Ước tính gánh nặng bệnh tật và đánh giá tác động kinh tế của HIV/AIDS ở Việt Nam	CN	Cấp cơ sở	2015-2016	24/3/2016 (Xếp loại: Xuất sắc)
2	Xây dựng và bước đầu thử nghiệm ứng dụng trên điện thoại di động thông minh hỗ trợ dự phòng, điều trị HIV/AIDS và nghiện chất tại Hà Nội.	CN	Cấp cơ sở	2015-2016	22/3/2016 (Xếp loại: Xuất sắc)
3	Tình trạng dinh dưỡng và thực trạng chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS tại một số phòng khám ở Hà Nội năm 2015-2016	CN	Cấp cơ sở	2015-2016	24/3/2016 (Xếp loại: Xuất sắc)
4	Đánh giá nhu cầu và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong can thiệp phòng, chống HIV/AIDS ở nhóm bệnh nhân điều trị ARV và nhóm thanh thiếu niên tại Hà Nội	CN	Cấp cơ sở	2015-2016	22/3/2016 (Xếp loại: Xuất sắc)
II	Sau khi được công nhận PGS				
5	Ảnh hưởng của bạo lực học đường qua mạng đối với sức khỏe thể chất, tâm thần của thanh thiếu niên Việt Nam	CN	Cấp Bộ. Mã số: ĐT.KXĐTĐN 20-10. Quyết định 404 QĐ/TWĐTĐN- VNCTN, ngày 08/01/2020.	2020	Quyết định số 796a QĐ/TWĐTĐN- VNCTN, ngày 09/12/2020. Xếp loại: Xuất sắc. Giấy chứng nhận KHCN: 2021-70- 592/KQNC.

6	Nhận thức, nhu cầu, khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và chăm sóc sức khỏe tiền hôn nhân của thanh niên ở 3 tỉnh miền Bắc trong giai đoạn hiện nay	CN	Cấp Bộ Mã số: ĐT.KXĐT 19-14. Quyết định 177 QĐ/TWĐT VNCTN ngày 28/12/2018.	2019	Quyết định số 372a QĐ/TWĐT VNCTN, ngày 12/12/2019. Xếp loại: Xuất sắc. Giấy chứng nhận KHCN: 2020/70/813/KQNC.
7	Nghiên cứu năng lực và cơ chế phối hợp giữa Hội Thầy thuốc và Đoàn Thanh niên các cấp trong phòng chống dịch bệnh	CN	Cấp Bộ. Mã số: ĐT.KXĐT 19-13. Quyết định 177 QĐ/TWĐT VNCTN ngày 28/12/2018.	2019	Quyết định số 372a QĐ/TWĐT VNCTN, ngày 12/12/2019. Xếp loại: Tốt. Giấy chứng nhận KHCN: 2020-70- 812/KQNC.
8	Nghiên cứu liên kết và chuyên giao khoa học và công nghệ thông qua mạng lưới Trí thức trẻ Việt Nam toàn cầu	CN	Cấp Quốc gia	2021-2024	Đang tiến hành
9	Nghiên cứu chất lượng cuộc sống qua sử dụng thang đo EQ-5D-5L ở bệnh nhân bị chấn thương do tai nạn giao thông tại tỉnh Thái Bình	CN	Cấp cơ sở	2018-2019	06/09/2019 (Xếp loại: Xuất sắc)
10	Thực trạng sức khỏe, sử dụng dịch vụ và chi tiêu y tế của người bệnh tại bệnh viện Da liễu Trung ương	CN	Cấp cơ sở	2018-2019	08/05/2020 (Xếp loại: Giỏi)
11	Khảo sát tình trạng sức khỏe và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của bệnh nhân tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng	CN	Cấp cơ sở	2018-2019	09/04/2019 (Xếp loại: Xuất sắc)

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước PGS							
1.1	Hướng nghiên cứu 1: Kinh tế Y tế, Dịch vụ Y tế và Chính sách Y tế							
1	Cost - effectiveness of methadone maintenance treatment for HIV-positive drug users in Vietnam	8	Có	AIDS Care - Psychological and Socio-Medical Aspects of AIDS/HIV	ISI/SSCI (IF=2,32) Scopus Q1	32	Tập: 24 Số: 3 Trang: 283-290	09/2011
2	Cost-effectiveness of integrating methadone maintenance and antiretroviral treatment for HIV-positive drug users in Vietnam's injection-driven HIV epidemics	8	Có	Drug and Alcohol Dependence	ISI/SSCI, SCIE (IF=4,492) Scopus Q1	49	Tập: 125 Số: 3 Trang: 260-266	10/2012
3	The cost-effectiveness and budget impact of Vietnam's methadone maintenance treatment program in HIV prevention and treatment among injection drug users	8	Có	Global Public Health	ISI/SSCI (IF=2,396) Scopus Q2	28	Tập:7 Số:10 Trang:1080-1094	12/2012
4	Economic vulnerability of methadone maintenance patients: implications for policies on co-payment services	7	Có	International Journal of Drug Policy	ISI/SSCI (IF=5,009) Scopus Q1	9	Tập 31 Trang 131-137	01/2016

5	Cost analyses of obesity in Canada: scope, quality, and implications	5	Có	Cost Effectiveness and Resource Allocation	ISI/SSCI (IF=2,532) Scopus Q2	62	Tập: 11 Số: 1 Trang: 3	02/2013
6	The Cost of Providing HIV/AIDS Counseling and Testing Services in Vietnam	4		Value in Health Regional Issues	Scopus Q2	8	Tập:1 Số:1 Trang;36-40	05/2012
7	Patient Satisfaction with HIV/AIDS Care and Treatment in the Decentralization of Services Delivery in Vietnam	2	Có	PLoS One	SCIE (IF=3,24) Scopus Q1	64	Tập: 7 Số:10	10/2012
8	Assessing the household financial burden associated with chronic non-communicable diseases in rural district of Vietnam	2		Global Health Action	ISI/SSCI, SCIE (IF=2,64) Scopus Q1	47	Tập: 6 Trang: 16-22	12/2012
9	Financial burden of health care for HIV/AIDS patients in Vietnam	9	Có	Tropical Medicine & International Health	ISI/SCIE (IF=2,622) Scopus Q1	30	Tập: 18 Số: 2 Trang: 212-218	02/2013
10	Willingness to pay for methadone maintenance treatment in Vietnamese epicentres of injection-drug-driven HIV infection	1	Có	Bulletin of the World Health Organization	ISI/SCIE (IF=9,408) Scopus Q1	15	Tập: 91 Số: 7 Trang: 457-482	07/2013
11	Factors associated with job satisfaction among commune health workers: implications for human resource policies	3	Có	Global Health Action	ISI/SSCI, SCIE (IF=2,64) Scopus Q1	66	Tập: 6 Trang: 142-147	01/2013

12	Impact of methadone maintenance on health utility, health care utilization and expenditure in drug users with HIV/AIDS	2	Có	International Journal of Drug Policy	ISI/SSCI (IF=5,009) Scopus Q1	32	Tập: 24 Số: 6 Trang: e105-e110	07/2013
13	The cost of antiretroviral treatment service for patients with HIV/AIDS in a central outpatient clinic in Vietnam	5		ClinicoEconomics and Outcomes Research	ISI/ESCI Scopus Q1	13	Tập:6 Trang:101-108	02/2014
14	Patient Satisfaction with Methadone Maintenance Treatment in Vietnam: A Comparison of Different Integrative-Service Delivery Models	4	Có	PLoS One	ISI/SCIE (IF=3,24) Scopus Q1	31	Tập: 10 Số: 11	11/2015
15	Preference of methadone maintenance patients for the integrative and decentralized service delivery models in Vietnam	5	Có	Harm Reduction Journal	ISI/SSCI (IF=4,362) Scopus Q1	14	Tập:12 Số: 29	09/2015
16	Alcohol abuse increases the risk of HIV infection and diminishes health status of clients attending HIV testing services in Vietnam	5	Có	Harm Reduction Journal	ISI/SSCI (IF=4,362) Scopus Q1	16	Tập: 13	02/2016

17	Behavioral and quality of life outcomes in different service models for methadone maintenance treatment in Vietnam	6	Có	Harm Reduction Journal	ISI/SSCI (IF=4,362) Scopus Q1	25	Tập: 13	02/2016
18	Drug addiction stigma in relation to methadone maintenance treatment by different service delivery models in Vietnam	7	Có	BMC Public Health	ISI/SCIE (IF=3,295) Scopus Q1	36	Tập: 16	03/2016
19	Preference and willingness to pay for traditional medicine services in rural ethnic minority community in Vietnam	6	Có	BMC Complementary and Alternative Medicine	ISI/SCIE (IF=3,659) Scopus Q1	11	Tập: 16	02/2016
20	Gánh nặng bệnh tật do HIV/AIDS ở Việt Nam giai đoạn 2002-2012	6		Y học cộng đồng			Số:30 Trang:34-39	04/2016
21	Health status and health service utilization in remote and mountainous areas in Vietnam	4	Có	Health and Quality of Life Outcomes	ISI/SSCI, SCIE (IF=3,186) Scopus Q1	55	Tập: 14 Số: 85	06/2016
22	Mobilization for HIV Voluntary Counseling and Testing Services in Vietnam: Clients' Risk Behaviors, Attitudes and Willingness to Pay	6		AIDS and Behavior	ISI/SSCI (IF=3,895) Scopus Q1	10	Tập: 20 Số:4 Trang: 848-858	04/2016

1.2	Hướng nghiên cứu 2: Mô hình hóa kinh tế và dịch tễ ứng dụng trong dự báo và kiểm soát bệnh tật toàn cầu							
23	Life Course Impact of School-Based Promotion of Healthy Eating and Active Living to Prevent Childhood Obesity	5	Có	PLoS One	ISI/SCIE (IF=3,24) Scopus Q1	31	Tập: 9 Số: 7	07/2014
24	Determinants of health-related quality of life in adults living with HIV in Vietnam.	5	Có	AIDS Care - Psychological and Socio-Medical Aspects of AIDS/HIV	ISI/SSCI (IF=2,32) Scopus Q1	52	Tập: 23 Số: 10 Trang: 1236-1245	06/2011
25	Changes in drug use are associated with health-related quality of life improvements among methadone maintenance patients with HIV/AIDS	9	Có	Quality of Life Research	ISI/SSCI, SCIE (IF=4,147) Scopus Q1	67	Tập: 21 Số: 4 Trang: 613-623	05/2012
26	Gender differences in quality of life outcomes of HIV/AIDS treatment in the latent feminization of HIV epidemics in Vietnam	7	Có	AIDS Care - Psychological and Socio-Medical Aspects of AIDS/HIV	ISI/SSCI (IF=2,32) Scopus Q1	32	Tập: 24 Số: 10 Trang: 1187-1196	03/2012
27	Multilevel Predictors of Concurrent Opioid Use during Methadone Maintenance Treatment among Drug Users with HIV/AIDS	7	Có	PLoS One	ISI/SCIE (IF=3,24) Scopus Q1	25	Tập: 7 Số: 12	12/2012
28	Quality of Life Outcomes of Antiretroviral Treatment for HIV/AIDS Patients in Vietnam	1	Có	PLoS One	ISI/SCIE (IF=3,24) Scopus Q1	78	Tập: 7 Số: 7	07/2012

29	Quality of life profile and psychometric properties of the EQ-5D-5L in HIV/AIDS patients	3	Có	Health and Quality of Life Outcomes	ISI/SSCI, SCIE (IF=3,186) Scopus Q1	126	Tập:10 Số:132	11/2012
30	Determinants of antiretroviral treatment adherence among HIV/AIDS patients: a multisite study	5	Có	Global Health Action	ISI/SSCI, SCIE (IF=2,64) Scopus Q1	65	Tập: 6 Trang: 1-7	03/2013
31	HIV voluntary testing and perceived risk among female sex workers in the Mekong Delta Region of Vietnam	4	Có	Global Health Action	ISI/SSCI, SCIE (IF=2,64) Scopus Q1	20	Tập: 6	07/2013
32	Prevalence and correlates of alcohol use disorders during antiretroviral treatment in injection-driven HIV epidemics in Vietnam	8	Có	Drug and Alcohol Dependence	ISI/SCIE (IF=4,492) Scopus Q1	37	Tập: 127 Số: 1-3 Trang: 39-44	01/2013
33	Associations between alcohol use disorders and adherence to antiretroviral treatment and quality of life amongst people living with HIV/AIDS	5	Có	BMC Public Health	ISI/SCIE (IF=3,295) Scopus Q1	86	Tập:14	01/2014
34	HIV Infection, Risk Factors, and Preventive Services Utilization among Female Sex Workers in the Mekong Delta Region of Vietnam	9	Có	PLoS One	ISI/SCIE (IF=3,24) Scopus Q1	13	Tập: 9 Số: 1	01/2014

35	Prevalence of Cigarette Smoking and Associated Factors in a Large Sample of HIV-positive patients Receiving Antiretroviral Therapy in Vietnam	11		PLoS One	SCIE (IF=3,24) Scopus Q1	25	Tập: 10 Số: 2	02/2015
36	Longitudinal and cross-sectional assessments of health utility in adults with HIV/AIDS: a systematic review and meta-analysis	6	Có	BMC Health Services Research	ISI/SCIE (IF=2,655) Scopus Q1	20	Tập: 15	01/2015
37	Motivation for smoking cessation among drug-using smokers under methadone maintenance treatment in Vietnam	7	Có	Harm Reduction Journal	ISI/SSCI (IF=4,362) Scopus Q1	9	Tập: 12 Số: 50	10/2015
38	Motivation to quit smoking among HIV-positive smokers in Vietnam	9		BMC Public Health	ISI/SCIE (IF=3,295) Scopus Q1	10	Tập: 15	04/2015
39	Sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật trong làng nghề trồng hoa và những triệu chứng ngộ độc cấp tính ở người trồng hoa tại xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định năm 2006	3	Có	Y học dự phòng			Tập: XVIII Số: 4(96) Trang: 34-42	2008
40	Tỷ lệ đồng nhiễm HBV, HCV trên các bệnh nhân HIV và một số yếu tố liên quan tại khoa truyền nhiễm, Bệnh viện Bạch Mai	3		Y học dự phòng			Tập:XXV Số:6(166) Trang:276-281	08/2015

41	Effects of cigarette smoking and nicotine dependence on adherence to antiretroviral therapy among HIV-positive patients in Vietnam	9		AIDS Care - Psychological and Socio-Medical Aspects of AIDS/HIV	ISI/SSCI (IF=2,32) Scopus Q1	21	Tập: 28 Số: 3 Trang: 359-364	03/2016
42	Methadone Maintenance Treatment Promotes Referral and Uptake of HIV Testing and Counselling Services amongst Drug Users and Their Partners	6	Có	PLoS One	ISI/SCIE (IF=3,24) Scopus Q1	9	Tập: 11 Số 4	04/2016
43	Thực trạng kiến thức, thực hành về vệ sinh an toàn thực phẩm của người sản xuất thức ăn đường phố tại thành phố Thanh Hóa năm 2011	3		Y học thực hành			Tập:1000 Số:3 Trang:126-132	03/2016
44	Thực trạng ngộ độc thực phẩm tại Vĩnh Phúc trong 4 năm 2006-2009	3		Y học thực hành			Tập:1001 Số:4 Trang:35-39	04/2016
45	Kiến thức, thực hành về an toàn sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật của người dân làng nghề trồng hoa xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định.	3	Có	Y học dự phòng			Tập: XVIII Số: 5(97) Trang: 24-31	2008
1.3	Hướng nghiên cứu 3: Y tế số và công nghệ y tế							
46	Mobile Phone-based antiretroviral adherence support in Vietnam: Feasibility, patient's preference, and willingness-to-pay	2	Có	AIDS and Behavior	ISI/SSCI (IF=3,895) Scopus Q1	40	Tập: 16 Số: 7 Trang:1988-1992	10/2012

47	Xây dựng hệ thống quản lý dịch vụ tiêm chủng có tính tương tác cao trên điện thoại di động và website	7	Có	Y học cộng đồng			Số:30 Trang:15-21	04/2016
48	Phần mềm phân tích và tư vấn dinh dưỡng cộng đồng	3	Có	Y tế công cộng			Tập: 6 Số 6 Trang: 30-35	09/2006
49	Xây dựng hệ thống hỗ trợ điều trị viêm gan và HIV/AIDS trên ứng dụng điện thoại di động thông minh	8	Có	Y học cộng đồng			Số:31 Trang:61-65	05/2016
II Sau PGS								
2.1 Hướng nghiên cứu 1: Kinh tế Y tế, Dịch vụ Y tế và Chính sách Y tế								
50	Cost-of-Illness and the Health-Related Quality of Life of Patients in the Dengue Fever Outbreak in Hanoi in 2017	10	Có	International Journal of Environmental Research and Public Health	ISI/SSCI, SCIE (IF=3,39) Scopus Q2	25	Tập: 15 Số: 6	06/2018
51	Impact of Socioeconomic Inequality on Access, Adherence, and Outcomes of Antiretroviral Treatment Services for People Living with HIV/AIDS in Vietnam	12	Có	Plos One	ISI/SCIE (IF=3,24) Scopus Q1	15	Tập: 11 Số: 12	12/2016
52	Ability to join the workforce and work productivity among drug users under methadone maintenance treatment in a mountainous area of Northern Vietnam: a cross-sectional study	10		BMJ Open	ISI/SCIE (IF=2,692) Scopus Q1	5	Tập:7 Số:7	07/2017

53	Barriers to accessing and using health insurance cards among methadone maintenance treatment patients in northern Vietnam	6	Có	Substance Abuse Treatment, Prevention, and Policy	ISI/SSCI (IF=2,583) Scopus Q2	2	Tập: 12	07/2017
54	Co-financing for viral load monitoring during the course of antiretroviral therapy among patients with HIV/AIDS in Vietnam: A contingent valuation survey	13		PLoS One	ISI/SCIE (IF=3,24) Scopus Q1	11	Tập: 12 Số: 2	02/2017
55	Cost-effectiveness of a school-based health promotion program in Canada: A life-course modeling approach	6		Plos One	ISI/SCIE (IF=3,24) Scopus Q1	26	Tập: 12 Số: 5	05/2017
56	Expanding co-payment for methadone maintenance services in Vietnam: the importance of addressing health and socioeconomic inequalities	8	Có	BMC Health Services Research	ISI/SCIE (IF=2,655) Scopus Q1	7	Tập: 17	07/2017
57	Health insurance for patients with HIV/AIDS in Vietnam: coverage and barriers	7		BMC Health Services Research	ISI/SCIE (IF=2,655) Scopus Q1	8	Tập: 17	08/2017
58	Quality of life profile of general Vietnamese population using EQ-5D-5L	5		Health and Quality of Life Outcomes	ISI/SSCI, SCIE (IF=3,186) Scopus Q1	51	Tập: 15	10/2017

59	Rural-urban differences in preferences for influenza vaccination among women of childbearing age: implications for local vaccination service implementation in Vietnam	12		Tropical Medicine & International Health	ISI/SCIE (IF=2,622) Scopus Q1	0	Tập: 26 Số: 2 Trang: 228-236	02/2021
60	Demand and willingness to pay for different treatment and care services among patients with heart diseases in Hanoi, Vietnam	14	Có	Patient Preference and Adherence	ISI/SCIE (IF=2,711) Scopus Q1	5	Tập: 12 Trang: 2253-2261	10/2018
61	Financial mobilization for antiretroviral therapy program: multi-level predictors of willingness to pay among patients with HIV/AIDS in Vietnam	4	Có	AIDS Care - Psychological and Socio-Medical Aspects of AIDS/HIV	ISI/SSCI (IF=2,32) Scopus Q1	3	Tập: 30 Số: 12 Trang: 1488-1497	07/2018
62	Health-related work productivity loss is low for patients in a methadone maintenance program in Vietnam	4	Có	International Journal of Drug Policy	ISI/SSCI (IF=5,009) Scopus Q1	5	Tập: 60 Trang: 1-7	10/2018
63	Workability of patients with HIV/AIDS in Northern Vietnam: a societal perspective on the impact of treatment program	5	Có	AIDS Care - Psychological and Socio-Medical Aspects of AIDS/HIV	ISI/SSCI (IF=2,32) Scopus Q1	0	Tập: 30 Số: 12 Trang: 1532-1537	08/2018

64	Adjusting for Inflation and Currency Changes Within Health Economic Studies	5		Value in Health	ISI/SSCI, SCIE (IF=5,725) Scopus Q1	50	Tập: 22 Số: 9 Trang: 1026-1032	09/2019
65	Economic evaluation studies in the field of HIV/AIDS: bibliometric analysis on research development and scopes (GAPRESEARCH)	9	Có	BMC Health Services Research	ISI/SCIE (IF=2,655) Scopus Q1	10	Tập: 19 Số: 1	11/2019
66	Factors Associated with Improved HIV/AIDS Treatment Outcomes: Comparing two Major ART Service Delivery Models in Vietnam	7	Có	AIDS and Behavior	ISI/SSCI (IF=3,895) Scopus Q1	2	Tập: 23 Số: 10 Trang: 2840-2848	10/2019
67	Patient satisfaction with HIV services in Vietnam: Status, service models and association with treatment outcome	7	Có	PLoS One	ISI/SCIE (IF=3,24) Scopus Q1	7	Tập: 14 Số: 11	11/2019
68	Impact of COVID-19 on Economic Well-Being and Quality of Life of the Vietnamese During the National Social Distancing	13	Có	Frontiers in Psychology	ISI/SSCI (IF=2,99) Scopus Q2	43	Tập: 11	09/2020
69	Implicitly Estimating the Cost of Mental Illness in Australia: A Standard-of-Living Approach	4		Applied Health Economics and Health Policy	ISI/SSCI, SCIE (IF=2,561) Scopus Q1	2	Tập: 189 Số: 2 Trang: 261-270	04/2020

70	Measuring satisfaction with health care services for Vietnamese patients with cardiovascular diseases	10		PLoS One	ISI/SCIE (IF=3,24) Scopus Q1	2	Tập: 15 Số: 6	06/2020
71	The operational readiness capacities of the grassroots health system in responses to epidemics: Implications for COVID-19 control in Vietnam	8	Có	Journal of Global health	ISI/SSCI, SCIE (IF=4,413) Scopus Q1	22	Tập: 10 Số: 1	06/2020
72	A qualitative assessment in acceptability and barriers to use pre-exposure prophylaxis (PrEP) among men who have sex with men: implications for service delivery in Vietnam	7		BMC Infectious Diseases	ISI/SCIE (IF=3,09) Scopus Q1	0	Tập: 21 Số: 1	05/2021
2.2	Hướng nghiên cứu 2: Mô hình hóa kinh tế và dịch tễ ứng dụng trong dự báo và kiểm soát bệnh tật toàn cầu							
73	Adherence to methadone maintenance treatment and associated factors among patients in Vietnamese mountainside areas	5		Substance Abuse Treatment, Prevention and Policy	ISI/SSCI (IF=2,583) Scopus Q2	15	Tập: 12	06/2017
74	Factors associated with nicotine dependence during methadone maintenance treatment: findings from a multisite survey in Vietnam	15		BMJ Open	ISI/SCIE (IF=2,692) Scopus Q1	12	Tập: 7 Số: 7	07/2017

75	Psychological Distress Among Methadone Maintenance Patients in Vietnamese Mountainous Areas	11		AIDS and Behavior	ISI/SSCI (IF=3,895) Scopus Q1	9	Tập: 21 Số: 11 Trang:3228-3237	11/2017
76	Quality of life and healthcare service utilization among methadone maintenance patients in a mountainous area of Northern Vietnam	12		Health and Quality of Life Outcomes	ISI/SSCI, SCIE (IF=3,186) Scopus Q1	15	Tập: 15	04/2017
77	Stigmatization among methadone maintenance treatment patients in mountainous areas in northern Vietnam	11		Harm Reduction Journal	ISI/SSCI (IF=4,362) Scopus Q1	28	Tập: 14 Số: 1 Trang: 1-7	01/2017
78	Alcohol and tobacco use among methadone maintenance patients in Vietnamese rural mountainside areas	16	Có	Addictive Behaviors Reports	ISI/SSCI Scopus Q1	11	Tập: 7 Trang: 19-25	06/2018
79	Child Desire Among Men and Women Living with HIV/AIDS in the Traditional Culture of Vietnam	6	Có	AIDS and Behavior	ISI/SSCI (IF=3,895) Scopus Q1	1	Tập: 22 Số: 9 Trang:2888-2894	09/2018
80	Concurrent drug use among methadone maintenance patients in mountainous areas in northern Vietnam	13	Có	BMJ Open	ISI/SCIE (IF=2,692) Scopus Q1	11	Tập: 8 Số: 3	03/2018

81	Depression and Quality of Life among Patients Living with HIV/AIDS in the Era of Universal Treatment Access in Vietnam	10	Có	International Journal of Environmental Research and Public Health	ISI/SSCI, SCIE (IF=3,39) Scopus Q2	24	Tập: 15 Số: 21	12/2018
82	Factors Associated with Substance Use and Sexual Behavior among Drug Users in Three Mountainous Provinces of Vietnam	14	Có	International Journal of Environmental Research and Public Health	ISI/SSCI, SCIE (IF=3,39) Scopus Q2	0	Tập: 15 Số: 9	09/2018
83	Knowledge, attitude, and practice on and willingness to pay for human papillomavirus vaccine: a cross-sectional study in Hanoi, Vietnam	10	Có	Patient Preference and Adherence	ISI/SCIE (IF=2,711) Scopus Q1	17	Tập: 12 Trang: 945-954	05/2018
84	Quality of life improvement, social stigma and antiretroviral treatment adherence: implications for long-term HIV/AIDS care	5	Có	AIDS Care - Psychological and Socio-Medical Aspects of AIDS/HIV	ISI/SSCI (IF=2,32) Scopus Q1	13	Tập: 30 Số: 12 Trang: 1524-1531	08/2018
85	Social and structural barriers for adherence to methadone maintenance treatment among Vietnamese opioid dependence patients	4	Có	Plos One	ISI/SCIE (IF=3,24) Scopus Q1	25	Tập: 13 Số: 1	01/2018
86	Socioeconomic Inequalities in Health-Related Quality of Life among Patients with Cardiovascular Diseases in Vietnam	8	Có	Biomed Research International	ISI/SCIE (IF=3,411) Scopus Q2	12	Tập: 2018	09/2018

87	Changes in Substance Abuse and HIV Risk Behaviors over 12-Month Methadone Maintenance Treatment among Vietnamese Patients in Mountainous Provinces	13	Có	International Journal of Environmental Research and Public Health	ISI/SSCI, SCIE (IF=3,39) Scopus Q2	6	Tập: 16 Số: 13	07/2019
88	Characterizing Unsafe Sexual Behavior among Factory Workers in the Context of Rapid Industrialization in Northern Vietnam	10	Có	International Journal of Environmental Research and Public Health	ISI/SSCI, SCIE (IF=3,39) Scopus Q2	3	Tập: 16 Số: 24	12/2019
89	Knowledge towards Cervical and Breast Cancers among Industrial Workers: Results from a Multisite Study in Northern Vietnam	10	Có	International Journal of Environmental Research and Public Health	ISI/SSCI, SCIE (IF=3,39) Scopus Q2	3	Tập: 16 Số: 21	11/2019
90	A longitudinal study on the mental health of general population during the COVID-19 epidemic in China	11		Brain, Behavior, and Immunity	ISI/SCIE (IF=7.21) Scopus Q1	1040	Số:87 Trang:40-48	4/2020
91	Capacity of local authority and community on epidemic response in Vietnam: Implication for COVID-19 preparedness	8	Có	Safety Science	ISI/SCIE (IF=4,877) Scopus Q1	19	Tập: 130	10/2020
92	Coverage of Health Information by Different Sources in Communities: Implication for COVID-19 Epidemic Response	20	Có	International Journal of Environmental Research and Public Health	ISI/SSCI, SCIE (IF=3,39) Scopus Q2	70	Tập: 17 Số: 10	05/2020

93	Psychological distress among mountainous farmers in Vietnam: a cross-sectional study of prevalence and associated factors	10		BMJ Open	ISI/SCIE (IF=2,692) Scopus Q1	0	Tập: 10 Số: 8	08/2020
94	An Asia-Pacific study on healthcare workers' perceptions of, and willingness to receive, the COVID-19 vaccination	23		International Journal of Infectious Diseases	ISI/SCIE (IF=3,623) Scopus Q1	17	Tập: 106 Trang: 52-60	05/2021
95	Gaps in awareness of climate variability and its impacts on society among health professionals and community workers in Vietnam: Implications for COVID-19 and other epidemic response systems	10	Có	International Journal of Disaster Risk Reduction	ISI/SCIE (IF=4,32) Scopus Q1	0	Tập: 59	06/2021
2.3	Hướng nghiên cứu 3: Kinh tế lượng ứng dụng trong Công nghệ Y tế số							
96	A study on the influence of internet addiction and online interpersonal influences on health-related quality of life in young Vietnamese	11	Có	BMC Public Health	ISI/SCIE (IF=3,295) Scopus Q1	110	Tập: 17	01/2017
97	Vietnamese Validation of the Short Version of Internet Addiction Test	7	Có	Addictive Behaviors Reports	ISI/SSCI Scopus Q1	34	Tập: 6 Trang:45-50	12/2017

98	Acceptability of and willingness to pay for using a smartphone-based vaccination application in a Vietnamese cohort	14	Có	Patient Preference and Adherence	SCIE (IF=2,711) Scopus Q1	2	Tập: 12 Trang: 2583-2591	12/2018
99	Feasibility of e-Health Interventions on Smoking Cessation among Vietnamese Active Internet Users	11	Có	International Journal of Environmental Research and Public Health	ISI/SSCI, SCIE (IF=3,39) Scopus Q2	18	Tập: 15 Số: 1	01/2018
100	Media representation of vaccine side effects and its impact on utilization of vaccination services in Vietnam	10	Có	Patient Preference and Adherence	SCIE (IF=2,711) Scopus Q1	21	Tập:12 Trang: 1717-1728	09/2018
101	What drives young Vietnamese to use mobile-health innovations? Implications for health communication and behavioral interventions	9	Có	JMIR mHealth and uHealth	SCIE (IF=4,773) Scopus Q1	13	Tập: 6 Số: 11	11/2018
102	Characterizing Artificial Intelligence Applications in Cancer Research: A Latent Dirichlet Allocation Analysis	10	Có	JMIR Medical Informatics	SCIE (IF=2,955)	23	Tập: 7 Số: 4 Trang: 170-182	10/2019
103	Modeling Research Topics for Artificial Intelligence Applications in Medicine: Latent Dirichlet Allocation Application Study	12	Có	Journal of Medical Internet Research	SCIE (IF=5,428) Scopus Q1	10	Tập: 21 Số: 11	11/2019

104	The Current Research Landscape of the Application of Artificial Intelligence in Managing Cerebrovascular and Heart Diseases: A Bibliometric and Content Analysis	9	Có	International Journal of Environmental Research and Public Health	ISI/SSCI, SCIE (IF=3,39) Scopus Q2	52	Tập: 16 Số: 15	08/2019
105	An exploratory assessment of the preference for eHealth interventions to prevent HIV and sexually transmitted infections among men who have sex with men in Hanoi, Vietnam	7		BMC Public Health	SCIE (IF=3,295) Scopus Q1	1	Tập: 20 Số: 1	09/2020
106	Cortical haemodynamic response measured by functional near infrared spectroscopy during a verbal fluency task in patients with major depression and borderline personality disorder	10		EBioMedicine	SCIE (IF=8,143) Scopus Q1	32	Tập: 51	01/2020
107	How have excessive electronics devices and Internet uses been concerned? Implications for global research agenda from a bibliometric analysis	10	Có	Journal of Behavioral Addictions	ISI/SSCI, SCIE (IF=6,756) Scopus Q1	1	Tập: 9 Số: 2 Trang:469-482	06/2020

108	Validating a functional near-infrared spectroscopy diagnostic paradigm for Major Depressive Disorder	10		Scientific Reports	SCIE (IF=4,379) Scopus Q1	44	Tập: 10 Số: 1	06/2020
109	Cortical haemodynamic response during the verbal fluency task in patients with bipolar disorder and borderline personality disorder: a preliminary functional near-infrared spectroscopy study	6		BMC Psychiatry	SCIE (IF=3,63) Scopus Q1	0	Tập: 12 Số: 1	04/2021
110	Cyberbullying Among School Adolescents in an Urban Setting of a Developing Country: Experience, Coping Strategies, and Mediating Effects of Different Support on Psychological Well-Being	13		Frontiers in Psychology	ISI/SSCI (IF=2,99) Scopus Q2	1	Tập: 12	04/2021
111	Functional near-infrared spectroscopy during a decision-making task in patients with major depressive disorder	6		Australian and New Zealand Journal of Psychiatry	ISI/SSCI, SCIE (IF=5,744) Scopus Q1	3	Tập: 55 Số: 5 Trang: 485-493	05/2021
112	Characterizing Obesity Interventions and Treatment for Children and Youths During 1991–2018	10	Có	International Journal of Environmental Research and Public Health	ISI/SSCI, SCIE (IF=3,39) Scopus Q2	7	Tập: 16 Số: 21	11/2019

113	Evolution of Interdisciplinary Landscapes of HIV/AIDS Studies from 1983 to 2017: Results from the Global Analysis for Policy in Research (GAPRESEARCH)	8	Có	AIDS Reviews	SCIE (IF=2,5) Scopus Q2	4	Tập: 21 Số: 3	10/2019
114	Global Evolution of Obesity Research in Children and Youths: Setting Priorities for Interventions and Policies	10	Có	Obesity Facts	SCIE (IF=3,942) Scopus Q1	23	Tập: 12 Số: 2 Trang:137-149	03/2019
115	Global research mapping of substance use disorder and treatment 1971–2017: implications for priority setting	9	Có	Substance Abuse Treatment, Prevention, and Policy	ISI/SSCI (IF=2,583) Scopus Q2	24	Tập: 14 Số: 21	05/2019
116	Indices of Change, Expectations, and Popularity of Biological Treatments for Major Depressive Disorder between 1988 and 2017: A Scientometric Analysis	10	Có	International Journal of Environmental Research and Public Health	ISI/SSCI, SCIE (IF=3,39) Scopus Q2	18	Tập: 16 Số: 13	07/2019
117	A global bibliometric analysis of antiretroviral treatment adherence: implications for interventions and research development (GAP RESEARCH)	8	Có	AIDS Care - Psychological and Socio-Medical Aspects of AIDS/HIV	ISI/SSCI (IF=2,32) Scopus Q1	8	Tập: 32 Số: 5 Trang: 637-644	05/2020

118	Global Mapping of Interventions to Improve Quality of Life of People with Diabetes in 1990–2018	12	Có	International Journal of Environmental Research and Public Health	ISI/SSCI, SCIE (IF=3,39) Scopus Q1	8	Tập: 17 Số: 5	03/2020
119	Global mapping of interventions to improve quality of life using mind-body therapies during 1990–2018	4	Có	Complementary Therapies in Medicine	SCIE (IF=2,446) Scopus Q1	8	Tập: 49	03/2020
120	Global Mapping of Interventions to improve the Quality of Life of Patients with Cardiovascular Diseases during 1990-2018	10	Có	Health and Quality of Life Outcomes	ISI/SSCI, SCIE (IF=3,186) Scopus Q1	0	Tập : 18 Số: 1	07/2020
121	Studies of Novel Coronavirus Disease 19 (COVID-19) Pandemic: A Global Analysis of Literature	9	Có	International Journal of Environmental Research and Public Health	ISI/SSCI, SCIE (IF=3,39) Scopus Q2	92	Tập: 17 Số: 11	06/2020
122	A global analysis of literature on older adults and lifelong living with HIV	7		AIDS Care - Psychological and Socio-Medical Aspects of AIDS/HIV	ISI/SSCI (IF=2,32) Scopus Q1	0	Trang: 1-10	02/2021
123	Global Evolution of Research in Artificial Intelligence in Health and Medicine: A Bibliometric Study	16	Có	Journal of Clinical Medicine	SCIE (IF=4,241)	113	Tập: 8 Số: 3	03/2019

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS là: 48 bài theo các thứ tự là: 50, 51, 53, 56, 60-63, 65-68, 71, 78-89, 91, 92, 95, 96-104, 107,112-121, 123.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo Thạc sỹ chuyên ngành Y tế công cộng bằng tiếng Anh	Tham gia		Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ 3070/QĐ-ĐHYHN ngày 26/8/2016	
2	Chương trình đào tạo Thạc sỹ chuyên ngành Quản lý và Kinh tế Y tế	Tham gia		Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ 267/QĐ-ĐHYHN ngày 14/02/2019	
3	Chương trình đào tạo Bác sỹ Y khoa đổi mới	Tham gia	QĐ số 3726/QĐ-ĐHYHN*	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 3982/QĐ-ĐHYHN ngày 26/08/2019 và QĐ số 7194/QĐ-ĐHYHN ngày 31/12/2019.	*QĐ về việc thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo đổi mới Đào tạo Đại học của Trường Đại học Y Hà Nội
4	Chương trình Đào tạo chuẩn chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng, Y học dự phòng và Dân số	Tham gia	QĐ số 354/QĐ-YHDP&YT CC	Trường Đại học Y Hà Nội		

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn chính 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

Các bài báo số 62, 91, 95:

62. *Tran Xuan Bach*, Nguyen Hoang Long, Nguyen Tat Cuong, Carl A Latkin. **Health-related work productivity loss is low for patients in a methadone maintenance program in Vietnam**. International Journal of Drug Policy. Volume 60, October 2018, Pages 1-7. (ISI/SSCI/Scopus | Q1 | **IF=5,009**)

91. *Tran Xuan Bach*, Nguyen Thi Hien, Pham Quang Hai, et. al. **Capacity of local authority and community on epidemic response in Vietnam: Implication for COVID-19 preparedness**. Safety Science. Volume 130, October 2020, 104867. (ISI/SCIE/Scopus | Q1 | **IF=4,877**)

95. *Tran Xuan Bach*, Nguyen Ha Trang, Phung Tri Dung, et. al. **Gaps in awareness of climate variability and its impacts on society among health professionals and community workers in Vietnam: Implications for COVID-19 and other epidemic response systems**. International Journal of Disaster Risk Reduction. Volume 59, 1 June 2021, 102212. (ISI/SCIE/Scopus | Q1 | **IF=4,32**)

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Xuân Bách